

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới.

Bà Mai Thị Viện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐ-HNGĐ ngày 13/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Hương L**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Hàn Quốc.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Hương L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Hương L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố

S, tỉnh Thanh Hóa năm 2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Năm 2022, anh B đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc đến nay chưa về. Vợ chồng không liên lạc với nhau từ lâu và không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/12/2016 và cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 12/7/2018. Cháu K có nguyện vọng được ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Chị L mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và dạy dỗ cả 02 cháu cho đến khi các cháu thành niên và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và công nợ chung*: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Chị L trình bày chị biết anh Nguyễn Văn B đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nhưng không biết địa chỉ cụ thể nên không thể cung cấp cho Tòa án được, chị đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thu thập thông tin xuất nhập cảnh đối với anh Nguyễn Văn B. Tại Công văn số 8916/QLXNC-P5 ngày 20/4/2023 của Cục Q - Bộ C cung cấp: Anh Nguyễn Văn B, sinh ngày 25/6/1994 đã xuất cảnh ngày 12/9/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Anh B vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị L1, địa chỉ ở khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm chứng cứ, thông tin từ bố mẹ của anh B.

Tại các Biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2023, ông Nguyễn Văn H (Là bố đẻ của anh B) trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn B. Chị Ngô Hương L là vợ của anh B và là con dâu ông. Năm 2017, anh B kết hôn với chị Ngô Hương L. Vợ chồng anh B và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/12/2016 và cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 12/07/2018. Hai vợ chồng anh B và chị L có mâu thuẫn từ cuối năm 2021 và đến tháng 5 năm 2022 thì chị L về nhà mẹ đẻ ở. Tháng 9 năm 2022 anh B đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Ông chỉ biết anh B hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, còn địa chỉ cụ thể của anh B ở Hàn Quốc ông không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên ông vẫn thường xuyên liên lạc với anh B nên đồng ý nhận các văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh B biết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Hương L, xử cho chị L được ly

hôn anh Nguyễn Văn B; Về con chung giao cả hai cháu là Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/12/2016 và cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 12/07/2018 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không giải quyết. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền của Tòa án:* Chị Ngô Hương L là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Nguyễn Văn B đăng ký hộ khẩu tại thành phố S, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc được xác nhận thông qua Cục Q - Bộ C (Tại văn bản số 8916/QLXNC-P5 ngày 20/4/2023). Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị Ngô Hương L biết anh Nguyễn Văn B đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nhưng không cung cấp được địa chỉ của anh B tại nước ngoài. Chị L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh B ở Việt Nam là ở khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa cùng bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn H và bà Vũ Thị L1. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông bà đều trình bày không biết địa chỉ của anh B ở Hàn Quốc. Tuy anh B có thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng không nói địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Do vẫn liên lạc với anh B nên ông bà sẽ thông báo cho anh B biết. Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H và bà L1 để ông bà thông báo lại cho anh B, đồng thời tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Ngô Hương L vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt). Bị đơn là anh Nguyễn Văn B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân và niêm yết đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân:* Chị Ngô Hương L và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai và các tài liệu gửi đến Tòa án, chị L đều trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hợp. Từ cuối năm 2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Anh B đi xuất khẩu lao động từ năm 2022 đến nay chưa về, vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc và quan tâm đến nhau, quan hệ hôn nhân trở nên trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh chị đã không liên hệ với nhau nữa, chị không có địa chỉ của anh B tại Hàn Quốc nên không cung cấp địa chỉ của anh B tại Hàn Quốc cho Tòa án được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Ngô Hương L được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

[2.2] *Về con chung*: Chị Ngô Hương L và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/12/2016 và cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 12/7/2018. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu. Xét thấy nguyện vọng của chị L là chính đáng. Hiện tại cháu K đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố. Cháu N đang còn nhỏ và cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Tuy nhiên hiện tại anh B đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, do đó cần giao cả hai con cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Khi anh B về nước nếu có yêu cầu và cháu K vẫn giữ nguyên nguyện vọng ở với bố thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị nên chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản, công nợ chung*: Chị Ngô Hương L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét. Anh Nguyễn Văn B không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên sau này nếu anh B yêu cầu thì cũng có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Chị Ngô Hương L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Hương L.

- *Về hôn nhân:* Chị Ngô Hương L được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Duy K, sinh ngày 07/12/2016 và cháu Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 12/7/2018 cho chị Ngô Hương L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh B có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị L cũng như các thành viên trong gia đình chị không ai được ngăn cấm, cản trở.

- *Về tài sản:* Không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Ngô Hương L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0000416 ngày 19/5/2023 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa.

- *Quyền kháng cáo:* Chị Ngô Hương L và anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND P. Quảng Cư, TP. Sầm Sơn, TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án; Lưu Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Thành